

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 219/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2018

V/v tranh chấp: “ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huynh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn
2. Bà Huỳnh Nguyễn Anh Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng cán bộ Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1862/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 643/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 2 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 979/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1720/2018 QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diễm Tr

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã Xuân Hiệp, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Lê Văn T

Địa chỉ: X Nguyễn Trãi, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 10 năm 2017, và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Diễm Tr trình bày:

Bà và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống từ năm 2009 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104 do Ủy ban nhân dân Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 7 năm 2009. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Lê Cát Gia T sinh ngày 27 tháng 8 năm 2011, sau khi sinh con bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống không thể hòa giải được, đầu năm 2014 do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và con đã chuyển về ở tại nhà ba mẹ ruột sinh sống và hai bên đã sống ly thân cho đến nay. Từ thời điểm trên ông T không quan tâm, thăm hỏi và trợ cấp cho con chung cũng như cố gắng hòa giải tình cảm hai bên. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai bên có 01 con chung tên Lê Cát Gia T sinh ngày 27 tháng 8 năm 2011 bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát Quận 1, Tp Hồ Chí Minh phát biểu:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo hướng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét: Bà Lê Thị Diễm Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T; ông T cư trú tại Quận 1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét: Tòa án triệu tập xét xử lần thứ 2 ông T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 3, Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Lời khai của bà Tr phù hợp với nội dung kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do mâu thuẫn và bất đồng quan điểm về nhiều mặt nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, trong suốt quá trình tố tụng ông T không đến tòa làm việc cũng như hòa giải tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr do hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4] Về con chung: Các đương sự có 01 con chung tên Lê Cát Gia Tường sinh ngày 27 tháng 8 năm 2011 hiện đang được bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng và học tập tại ấp H, xã Xuân Hiệp, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long từ năm 2014 đến nay; việc giao con cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu theo quy định Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Tr tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b, khoản 3, Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Diễm Tr được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Cát Gia T sinh ngày 27 tháng 8 năm 2011 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu không thỏa thuận được việc thay đổi mức cấp dưỡng các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Bà Lê Thị Diễm Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022152 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1. Bà Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Lê Thị Diễm Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.Q1, Tp. HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014);
- CCTHADS.Q1, Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Huynh